TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Liên;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn Th tự nguyện kết hôn,đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh T ngày 17/10/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau ảnh hưởng đến tâm lý của con. Do không thể chung sống được nên chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn

quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung*:* Chị H khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Hoàng Thị M, sinh ngày 13/11/2012, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu M ở với anh T. Chị H đề nghị để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ, triệu tập anh Hoàng Văn T đến Toà án để viết bản tự khai nhưng anh T không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của anh T. Tòa án cũng triệu tập anh T đưa cháu Hoàng Thị M đến Tòa án để lấy lời khai về nguyện vọng của cháu, nhưng anh T cũng không đưa cháu M đến tòa án theo giấy triệu tập, do đó Tòa án không lấy được lời khai về nguyện vọng của cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T và giao M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt tại Tòa án mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị Hậu vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Hậu và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân:Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau.

Kết quả xác minh ngày 23/03/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hà B cũng cho thấy, quá trình chung sống giữa chị Hậu và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn nênchị H và anh T đã sống ly thân. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Hậu được ly hôn anh Thông là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Hoàng Thị M, sinh ngày 13/11/2012. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu M, trong đó xác định cháu M là con chung của chị H và anh T. Mặt khác, cháu M được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu M là con chung của chị H và anh T. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu M do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập của cháu, do đó giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 13/11/201là con chung của chị H và anh T. Giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Chị Hậu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Hậu không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Thông.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004259 ngày 22/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hương Nguyễn Thị Liên Trịnh Thanh Hương